

Bản án số: 23/2020/DS-PT
Ngày: 17-6-2020
V/v: Tranh chấp đòi lại TS

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu
Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Ông Lã Ngọc Tiền

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố nam Định - tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐ-PT ngày 04/5/2020 giữa các đương sự:

+Nguyên đơn: Ông Phan Đông D - Sinh năm 1975

Nơi cư trú: Tổ 22D - khu đô thị Đ - phường T - thành phố V- tỉnh Phú Thọ.

+ Bị đơn: Bà Bùi Thị Tuyết Th -Sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Số nhà 4 + 6 đường Đ - phường Tr - thành phố N - tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Tuyết Th:* Bà Đỗ Thị Minh Thu - Luật sư Công ty Luật TNHH Minh Thu và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định.

+ Người làm chứng:

1. Ông Bùi Nhật Ph, sinh năm 1940.

Nơi cư trú: Số nhà 47 đường Đ, phường Tr, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Số nhà 162 đường G, phường Tr, thành phố N, tỉnh Nam Định.

+ **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Bùi Thị Tuyết Th

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phan Đông D trình bày:

Do có mối quan hệ trong hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa giữa Công ty cổ phần kim khí Tây Bắc (sau đây viết tắt là Công ty Tây Bắc) với Công ty TNHH đầu tư và dịch vụ Ph Th (sau đây viết tắt là Công ty Ph Th) nên ông biết bà Th có sắt thép và vật liệu xây dựng để bán. Trước thời điểm ngày 23-12-2016, ông đã gặp trực tiếp và nhiều lần trao đổi qua điện thoại với bà Th để giao dịch mua sắt thép sử dụng cho gia đình và làm nhà xưởng cho gia đình tại Kiến Xương, Thái Bình. Bà Th nhất trí và yêu cầu ông phải chuyển cho bà Th 500.000.000 đồng trước ngày 15-3-2017, chủng loại hàng sẽ thống nhất sau, bà Th sẽ giao hàng cho ông sau ngày 15-3-2017 và sẽ Th toán thừa thiếu sau khi kết thúc việc mua bán hàng. Ông đồng ý và đã bốn lần chuyển tiền cho bà Th với tổng số tiền là 500.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân của ông có số tài khoản là 42110000186458 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tuyết Th có số tài khoản là 3203205094806 tại Ngân hàng Agribank Bắc Nam Định cụ thể là:

- Ngày 23-12-2016 chuyển số tiền: 100.000.000 đồng.
- Ngày 05-01-2017 chuyển số tiền: 200.000.000 đồng.
- Ngày 09-03-2017 chuyển số tiền: 100.000.000 đồng.
- Ngày 15-03-2017 chuyển số tiền: 100.000.000 đồng.

Sau khi chuyển cho bà Th số tiền 500.000.000 đồng trước ngày 15-3-2017 thì bà Th lý do chưa có hàng giao nên ông đề nghị bà Th nếu không có hàng thì trả lại tiền. Ông đã nhiều lần đến trực tiếp nhà bà Th, gửi giấy đề nghị và gửi tin nhắn vào số điện thoại 0947850787 của bà Th nhưng bà Th không tiếp, không trả lời, không nhận giấy đề nghị trả tiền vào các ngày 10-8-2018, ngày 16-01-2019, ngày 31-01-2019, ngày 31-01-2019.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Th phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 500.000.000 đồng và lãi xuất 8%/năm (0,66%/tháng) kể từ ngày 01-

9-2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Tại các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, bị đơn bà Bùi Thị Tuyết Th và người đại diện theo ủy quyền của bà Th trình bày:

Công ty Ph Th hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH hai thành viên số 0600795950 do sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nam Định cấp lại lần 5 ngày 24-12-2018.

Công ty Ph Th ký hợp đồng nguyên tắc 05/TB ngày 05-9-2016 với Công ty Tây Bắc do ông Đào Ngọc Lâm - Chủ tịch hội đồng quản trị, ông Lâm còn là Trưởng văn phòng đại diện cho Công ty Sunco tại Hà Nội và Công ty Ph Th là đại lý của tỉnh Nam Định.

Việc giao dịch, mua bán giữa hai Công ty chỉ thông qua ông Đào Ngọc Lâm - Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Tây Bắc. Khi ông Đào Ngọc Lâm có nhu cầu mua hàng hóa là tôn của Công ty Sunco thì ông Lâm gọi điện thoại đặt hàng với bà Th. Sau khi nhận đặt hàng của Công ty Tây Bắc, Công ty Ph Th gửi đơn đặt hàng đến Công ty Sunco tại Hà Nội, sau đó Công ty Sunco sẽ gửi bản xác nhận đặt hàng cho Công ty Ph Th.

Về Th toán, có lúc Công ty Tây Bắc chuyển trả cho Công ty Ph Th trước khi nhận hàng, có lúc nhận hàng xong mới chuyển trả tiền. Từ ngày 08-10-2016 đến hết ngày 06-8-2017 Công ty Ph Th đã xuất hàng và hoá đơn cho Công ty Tây Bắc và trừ số tiền Công ty Tây Bắc đã chuyển trả cho Công ty Ph Th thì Công ty Tây Bắc còn nợ Công ty Ph Th số tiền 1.749.540.481 đồng (một tỷ bảy trăm bốn chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn bốn trăm tám một đồng). Số tiền nợ này ông Đào Ngọc Lâm và ông Phan Đông D đã chuyển vào tài khoản cá nhân bà Bùi Thị Tuyết Th để trả xong số tiền nợ cho Công ty Ph Th. Trong đó có bốn lần ông Phan Đông D chuyển trả tiền hàng vào tài khoản của bà Bùi Thị Tuyết Th tổng số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), khi ông Phan Đông D chuyển tiền lần đầu thì ông Đào Ngọc Lâm điện thoại cho bà Th để thông báo cho bà Th biết ông Phan Đông D là cán bộ của Công ty Tây Bắc được ông Lâm giao chuyển trả tiền nợ mua hàng cho Công ty Ph Th. Chính vì vậy, bốn giấy ủy nhiệm chi ông D nộp kèm theo đơn khởi kiện mà ông D chuyển tiền vào tài khoản của bà Th đã nhận 500.000.000 đồng đều ghi nội dung chuyển trả tiền mua hàng là tiền của Công ty Tây Bắc chuyển trả nợ mua hàng cho Công ty Ph Th. Từ ngày 06-8-2017 cho đến nay Công ty Ph Th với Công ty Tây Bắc không giao dịch mua bán hàng hóa và phát sinh Th toán với nhau nữa.

Việc ông D khởi kiện đối với cá nhân bà Th không liên quan đến Công ty Ph

Th và cũng không có căn cứ vì từ trước đến nay bà Th không quen biết, không giao dịch hợp đồng mua bán sắt thép với ông D, không vay mượn nợ nần gì nhau. Nếu ông D không chứng minh được việc có hợp đồng mua hàng hóa sắt thép với bà Th để khởi kiện đòi tiền đối với bà Th thì bà đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện ghi ngày 17-3-2019 của ông Phan Đông D.

+Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Nhật Ph và ông Phạm Văn Th trình bày:

Ông Bùi Nhật Ph là Chủ tịch hội đồng thành viên – Giám đốc Công ty Ph Th và ông Phạm Văn Th là Phó giám đốc Công ty Ph Th. Công ty Ph Th không liên quan gì về việc ông Phan Đông D kiện bà Bùi Thị Tuyết Th và Công ty Ph Th không liên quan gì đến giao dịch mua bán với cá nhân ông Phan Đông D.

Công ty Ph Th trong thời điểm ông Bùi Nhật Ph làm Giám đốc không liên quan gì về việc ông Phan Đông D kiện bà Bùi Thị Tuyết Th để đòi số tiền 500.000.000 đồng, ông Phạm Văn Th (chồng bà Th) cũng không có liên quan gì đến số tiền này. Công ty Ph Th không liên quan đến giao dịch mua bán với cá nhân ông Phan Đông D. Ông D cũng không có cơ sở để khẳng định mối quan hệ giữa Công ty Tây Bắc và Công ty Ph Th đã có từ nhiều năm, mối quan hệ và giao dịch mua bán sắt thép giữa ông D với bà Th. Công ty Ph Th và Công ty Tây Bắc có giao dịch mua bán hàng hoá với nhau nên khoản tiền ông D chuyển cho bà Th 500.000.000 đồng là số tiền của Công ty Tây Bắc trả cho Công ty Ph Th.

Trước đó Công ty Tây Bắc cũng đã từng sử dụng bốn ủy nhiệm chi của số tiền 500.000.000 đồng chuyển khoản cho bà Th nộp cho Công an thành phố Việt Trì để yêu cầu làm rõ giao dịch mua bán giữa Công ty Tây Bắc và Công ty Ph Th. Nay ông D lại sử dụng bốn ủy nhiệm chi này với tư cách cá nhân để khởi kiện cá nhân bà Th.

+ Tại biên bản thu nhập chứng cứ ngày 11-11-2019 Công an thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ cung cấp: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Việt Trì đang thụ lý điều tra, xác minh giải quyết đơn tố cáo đề ngày 12-3-2018 của ông Phan Đông D – Tổng giám đốc Công ty Tây Bắc tố cáo ông Đào Ngọc Lâm chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Tây Bắc có hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty trong quá trình mua bán hàng hóa giữa Công ty Tây Bắc và một số Công ty khác trong đó có Công ty Ph Th. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Việt Trì xác định việc giao dịch, Th toán giữa Công ty Tây Bắc và Công ty Ph Th liên quan đến nội dung tố cáo gồm 25 lần điều

được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của Công ty Tây Bắc có số tài khoản 42110000227180 ngân hàng BIDV chi nhánh Phú Thọ, 00801000241888 ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam chi nhánh Phú Thọ, 422882000168214 ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Hùng Vương đến Công ty Ph Th có số tài khoản 3201201002510 ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Nam Định. Trong quá trình giải quyết đơn thư tố giác tội phạm từ trước đến nay, ông D không tố cáo và không cung cấp nội dung gì liên quan đến 04 ủy nhiệm chi vào các ngày 23-12-2016, ngày 05-01-2017, ngày 09-3-2017, ngày 15-3-2017 từ tài khoản số 42110000186458 của ông Phan Đông D đến tài khoản số 3023205094806 của bà Bùi Thị Tuyết Th. Ngày 11-11-2019 Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì cũng cung cấp từ tháng 01-2016 đến nay Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ không thụ lý giải quyết vụ án nào liên quan đến việc khởi kiện giữa ông Phan Đông D và bà Bùi Thị Tuyết Th cũng như Công ty Tây Bắc và Công ty Ph Th.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 166, Điều 181, Điều 185, Điều 274, Điều 275; Điều 357; Điều 468 BLDS; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đông D. Buộc bà Bùi Thị Tuyết Th phải trả cho ông Phan Đông D số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Phan Đông D không yêu cầu bà Bùi Thị Tuyết Th trả số tiền lãi suất từ ngày 01-9-2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Phan Đông D có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 03/12/2019, bà Bùi Thị Tuyết Th có đơn kháng cáo với nội dung: Giữa bà Th và ông D không có giao dịch mua bán hàng hóa gì với nhau. Việc chuyển khoản của ông D vào tài khoản của bà Th là để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của công ty Tây Bắc (do ông D làm giám đốc) với công ty Ph Th (mà bà Th là nhân viên của công ty Ph Th). Đề nghị cấp Phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông D.

Tại phiên tòa Ph thẩm:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa Th được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Luật sư Đỗ Thị Minh Thu - người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Tuyết Th trình bày: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bản chất đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa công ty Tây Bắc và công ty Ph Th. Bốn lần chuyển tiền từ tài khoản của ông D vào tài khoản của bà Th với tổng số tiền 500 triệu đồng là tiền của công ty Tây Bắc Th toán nợ đối với công ty Ph Th. Nguyên đơn khởi kiện nhưng không đưa ra được chứng cứ về việc giao dịch mua bán với bà Th loại hàng hóa sắt thép vật liệu như thế nào? Chúng loại số lượng các mặt hàng bao nhiêu? Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử Phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Th, bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đông D.

+ Nguyên đơn ông Phan Đông D trình bày: Đây là giao dịch cá nhân giữa ông D và bà Th – không liên quan đến công ty Tây Bắc và công ty Ph Th. Bà Th cho rằng đây là tiền công ty tây Bắc trả nợ công ty Ph Th và chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Th để nhờ bà Th trả nợ hộ nhưng bà Th không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào thể hiện trong sổ sách kế toán của công ty Ph Th có khoản tiền mà bà Th nộp vào với nội dung là tiền của công ty Tây Bắc trả nợ cho công ty Ph Th. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử Phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo, nhận thấy có căn cứ pháp lý xác định có việc ông D 04 lần chuyển tiền từ tài khoản cá nhân của ông D vào tài khoản cá nhân của bà Th với tổng số tiền là 500 triệu đồng. Bà Th cũng đã thừa nhận, tài khoản cá

nhân của bà tại Ngân hàng Agribank Bắc Nam Định đã nhận được 500 triệu đồng do ông D chuyển đến. Bà Th không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền 500 triệu này là tiền của công ty Tây Bắc trả nợ cho công ty Ph Th. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông D đòi bà Th số tiền 500 triệu đồng là có căn cứ. Kháng cáo của bà Th không có căn cứ pháp lý, nên đề nghị cấp Phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS - không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn Bùi Thị Tuyết Th làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng Ph thẩm.

Tại phiên tòa Ph thẩm, bà Th vắng mặt và có đơn ủy quyền cho luật sư Đỗ Thị Minh Thu tham gia tố tụng tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử Phúc thẩm vắng mặt bà Bùi Thị Tuyết Th.

[2] Xét nội dung kháng cáo thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do chính các đương sự cung cấp nộp cho tòa án, đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa, thấy có căn cứ xác định:

Ông Phan Đông D đã bốn lần chuyển tiền cho bà Bùi Thị Tuyết Th từ tài khoản cá nhân của ông D có số tài khoản là 42110000186458 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tuyết Th có số tài khoản là 3203205094806 tại Ngân hàng Agribank Bắc Nam Định, cụ thể:

- Ngày 23-12-2016 chuyển số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 05-01-2017 chuyển số tiền 200.000.000 đồng.
- Ngày 09-03-2017 chuyển số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 15-03-2017 chuyển số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông D đã chuyển cho bà Th là 500.000.000 đồng.

Ông D xác định đây là tiền cá nhân của ông D, chuyển số tiền này vào tài khoản cá nhân của bà Th là để thực hiện một giao dịch dân sự về việc mua bán hàng hóa giữa cá nhân ông D và bà Th, nay do bà Th không thực hiện nghĩa vụ giao hàng nên ông D khởi kiện đòi lại bà Th số tiền 500.000.000 đồng đã chuyển theo 04 ủy nhiệm chi như trên.

Bà Th thừa nhận, tài khoản cá nhân của bà tại Ngân hàng Agribank Bắc Nam Định đã nhận được 500.000.000 đồng do ông D chuyển từ tài khoản cá nhân của ông D. Tuy nhiên bà Th cho rằng đây là số tiền của Công ty Tây Bắc (do ông D làm giám đốc) thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với công ty Ph Th (mà bà Th là nhân viên của công ty Ph Th). Ông D đã chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà Th để nhờ bà Th trả nợ cho Công ty Ph Th. Tuy nhiên bà Th không đưa ra được các tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc ông D nhờ bà Th trả nợ tiền cho công ty Ph Th, không có tài liệu chứng cứ nào trong sổ sách kế toán của công ty Ph Th thể hiện có khoản tiền bà Th nộp vào với nội dung tiền của công ty Tây Bắc trả nợ công ty Ph Th; đồng thời cũng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện công ty Tây Bắc có nghĩa vụ trả nợ cho công ty Ph Th 500.000.000 đồng. Mặt khác, nhận thấy Công ty Tây Bắc và công ty Ph Th đều có tư cách pháp nhân, đều có tài khoản và con dấu riêng độc lập, nếu để Th toán trả nợ thì tại sao hai công ty không thực hiện nghĩa vụ thông qua tài khoản chính thức của công ty mà phải thông qua tài khoản cá nhân của bà Th – là nhân viên công ty?

Qua phân tích các chứng cứ tài liệu, Hội đồng xét xử nhận thấy, có căn cứ xác định hiện bà Th đã nhận và đang chiếm giữ số tiền 500.000.000 đồng do ông D chuyển từ tài khoản cá nhân của ông D đến tài khoản của bà Th. Cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc bà Th phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông D 500.000.000 đồng, là có căn cứ pháp lý.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng Phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Tuyết Th, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

2.Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 166, Điều 181, Điều 185, Điều 274, Điều 275; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đông D: Buộc bà Bùi Thị Tuyết Th phải trả cho ông Phan Đông D số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

2.2. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Phan Đông D không yêu cầu bà Bùi Thị Tuyết Th trả số tiền lãi suất từ ngày 01-9-2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí dân sự Ph thẩm:

Bà Bùi Thị Tuyết Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự Ph thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Phúc thẩm bà Th đã nộp theo biên lai số 0002587 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, xác định bà Th đã nộp đủ án phí dân sự Ph thẩm.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh NĐ
- TAND TP Nam Định;
- Chi cục THADS TP Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Mai Hương

